

Lưu ý: Những thửa đất to màu là những thửa đưa ra đấu giá

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

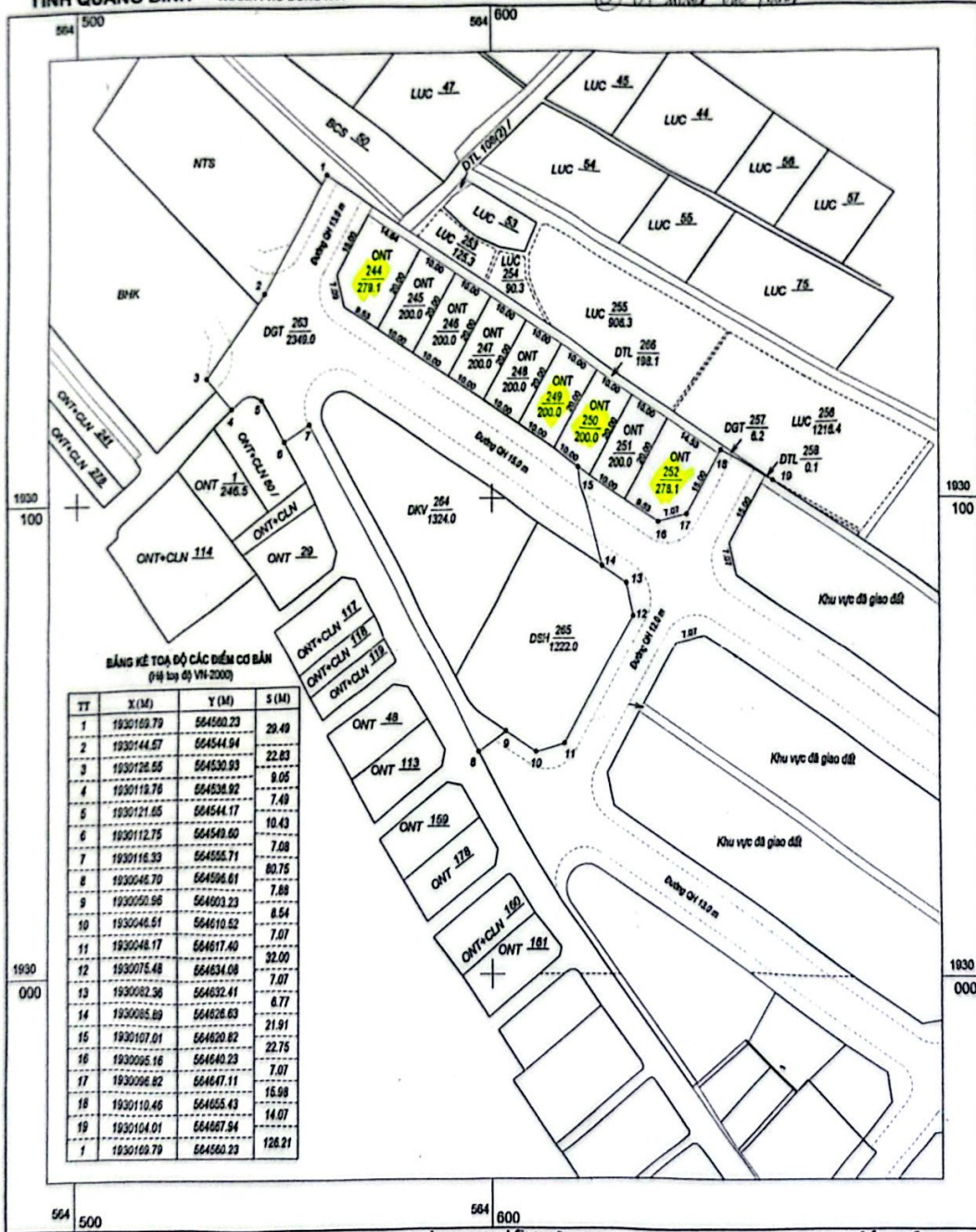
XÃ ĐỨC NINH

Tờ BĐDC số 6 (932 564 -4-d)

KHU ĐẤT: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT Ở XÃ ĐỨC NINH, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định giao đất số 1213/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TỈNH QUẢNG BÌNH - THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

3/04/2021



BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(Hệ tọa độ VN-2000)

TT	X (M)	Y (M)	S (M)
1	1930169.79	564560.23	29.49
2	1930144.57	564544.94	22.83
3	1930128.58	564530.93	9.05
4	1930119.76	564538.92	7.49
5	1930121.65	564544.17	10.43
6	1930112.75	564549.80	7.08
7	1930116.93	564556.71	80.75
8	1930046.70	564596.81	7.88
9	1930050.98	564603.23	8.54
10	1930046.51	564610.52	7.07
11	1930046.17	564617.40	32.00
12	1930075.48	564634.08	7.07
13	1930082.36	564632.41	6.77
14	1930085.89	564626.63	21.91
15	1930107.01	564620.82	22.75
16	1930095.18	564640.23	7.07
17	1930096.82	564647.11	15.98
18	1930110.46	564655.43	14.07
19	1930104.01	564667.94	128.21
1	1930169.79	564560.23	

Ngày 27 tháng 7 năm 2021
CƠ QUAN TRÍCH ĐO
CÔNG TY TNHH TV&ĐT HOÀNG DŨNG
GIÁM ĐỐC



TỈ LỆ 1:1000

Kiểm tra, ngày 27 tháng 7 năm 2021
PHÒNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỆN THẨM
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Mai

Duyệt, ngày 26 tháng 7 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu ý: Những thửa được tô màu là những thửa đưa ra đấu giá

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

XÃ ĐỨC NINH

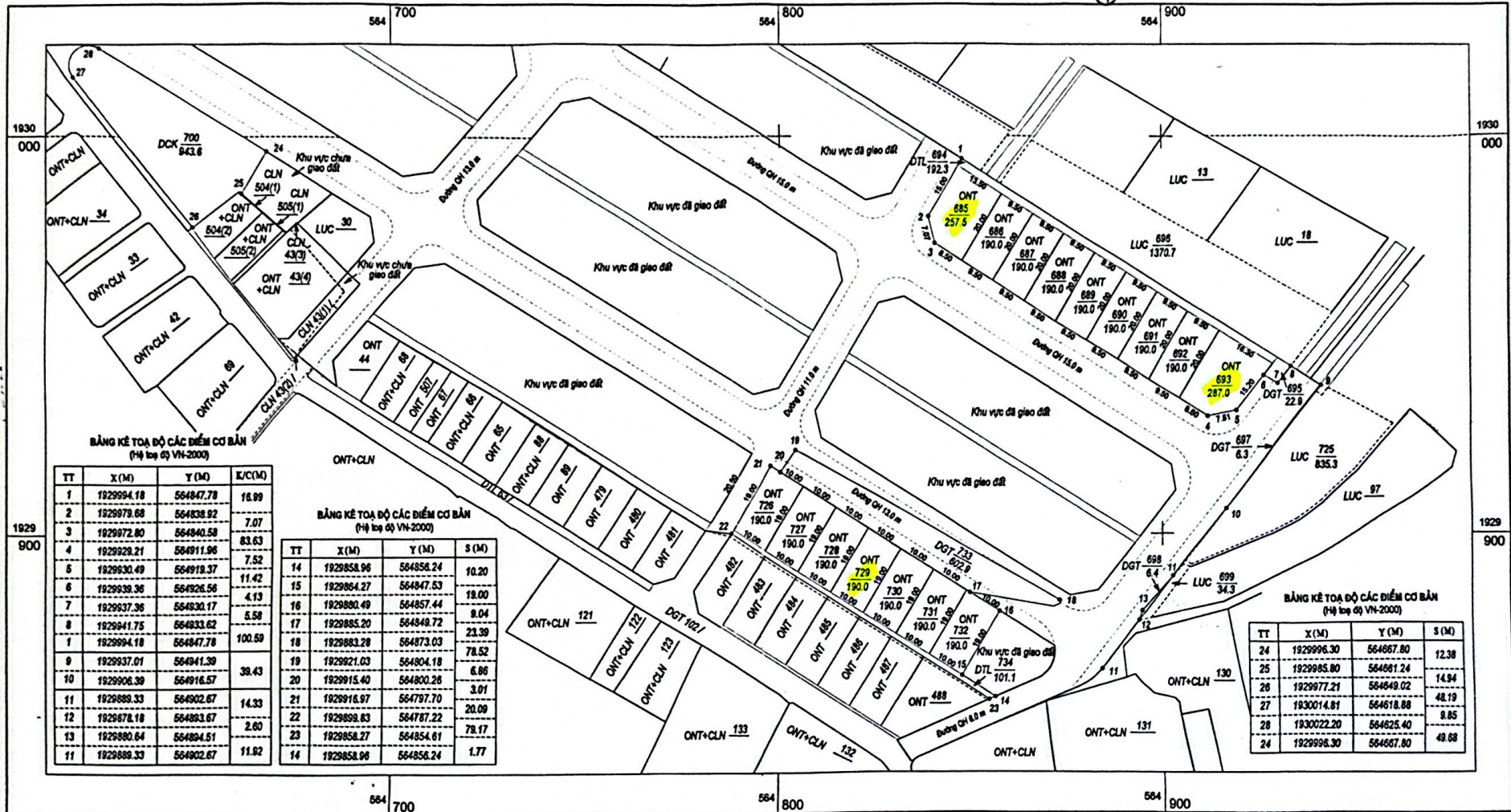
Tờ ĐĐC số 11 (932 564-7- b)

KHU ĐẤT: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT Ở XÃ ĐỨC NINH, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định giao đất số 423/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TỈNH QUẢNG BÌNH – THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

④ 03 thửa Đê Ninh

1	
2	



BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(Hệ tọa độ VN-2000)

TT	X (M)	Y (M)	S (M)
1	1929994.18	564847.78	16.99
2	1929979.68	564838.92	7.07
3	1929972.80	564840.58	83.63
4	1929928.21	564911.96	7.52
5	1929930.49	564918.37	11.42
6	1929939.36	564926.56	4.13
7	1929937.36	564930.17	5.58
8	1929941.75	564933.62	100.59
9	1929937.01	564941.39	38.43
10	1929906.39	564916.57	14.33
11	1929889.33	564902.67	2.60
12	1929878.18	564893.67	11.82
13	1929880.64	564884.51	
14	1929889.33	564902.67	

BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(Hệ tọa độ VN-2000)

TT	X (M)	Y (M)	S (M)
14	1929858.96	564856.24	10.20
15	1929864.27	564847.63	19.00
16	1929880.49	564857.44	9.04
17	1929885.20	564848.72	23.39
18	1929883.28	564873.03	78.52
19	1929921.03	564804.18	6.86
20	1929915.40	564800.26	3.01
21	1929916.97	564797.70	20.09
22	1929898.83	564787.22	78.17
23	1929858.27	564854.61	
24	1929858.96	564856.24	1.77

BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(Hệ tọa độ VN-2000)

TT	X (M)	Y (M)	S (M)
24	1929996.30	564867.80	12.38
25	1929985.80	564861.24	14.94
26	1929977.21	564849.02	48.19
27	1930014.81	564818.88	9.85
28	1930022.20	564825.40	48.68
29	1929996.30	564867.80	

Ngày 25 tháng 7 năm 2021
CƠ QUAN TRÍCH ĐO
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TV&ĐT HOÀNG DŨNG



Lương Dũng Tiến

TỈ LỆ 1:1000

Kiểm tra, ngày 1 tháng 7 năm 2021
PHÒNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỆN THĂM
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh Mai

Duyệt, ngày 2 tháng 7 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Hoàng Quốc Việt

Lưu ý: Những thửa được tô màu là những thửa đưa ra đấu giá

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

XÃ ĐỨC NINH

Tờ BĐDC số 11 (932/64-7-6)

KHU ĐẤT: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT Ở XÃ ĐỨC NINH, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI (ĐỢT 1)
(Kèm theo Quyết định giao đất số 275/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Bình)

⑤ 03 thửa Đức Ninh

1	
2	

